

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 12/2022/HNGĐ-PT

Ngày 22- 9 - 2022.

V/v; Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán: Ông Cầm Văn Thanh, ông Hoàng Văn Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/HNGĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc; Xin Ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2022/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 13/2022/QĐ - PT ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số / QĐ-HPT ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vi Thị Tuyết L.

Địa chỉ: Số 0, ngõ 39, tổ 2, phường QT, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La “có mặt”.

2. Bị đơn: Ông Tòng Văn Q. Địa chỉ: Bản B, xã MB, huyện MS, tỉnh Sơn La “có mặt”.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lường Ngọc Ch – Luật sư thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật Tây Bắc. Địa chỉ: Tổ 8, phường Chiềng Lè, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La “có mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Tòng Văn Ấ, bà Lường Thị S. Địa chỉ: Bản B, xã MB, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tòng Văn V, địa chỉ: B Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La “có mặt”.

- Bà Tòng Thị B. Địa chỉ: Bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La “có mặt”.

- Ông Tòng Văn H. Địa chỉ: Bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La “có mặt”.

- Ông Tòng Văn V. Địa chỉ: Bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La “có mặt”.

- Bà Tòng Thị P. Địa chỉ: Bản Quỳnh Pàu, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La “có mặt”.

- Bà Tòng Thị Hồng. Địa chỉ: Bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La “có mặt”.

- Bà Tòng Thị H. Địa chỉ: Bản Lắm Cút, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La “vắng mặt không có lý do”.

- Ông Tòng Văn H. Địa chỉ: Bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La “có mặt”.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Tòng Văn Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Vi Thị Tuyết L trình bày:*

Bà và ông Tòng Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông bà bất đồng quan điểm sống về việc làm ăn kinh tế, không ai tôn trọng ai. Năm 2015, bà đã từng cai nghiện cho ông Q, đến năm 2016 ông Q tái nghiện, bà tiếp tục cùng ông Q tự cai nghiện nhưng từ đó bà lung lay niềm tin với ông Q. Hơn nữa, gia đình bên chồng can thiệp quá sâu vào cuộc sống riêng của vợ chồng nên ông bà mới nảy sinh nhiều mâu thuẫn và đây là nguyên nhân chủ yếu. Ông bà chính thức sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay. Bà nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Ông bà không có con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Năm 2014, ông Tòng Văn Á và bà Lương Thị S (bố mẹ đẻ ông Q) tuyên bố cho hai vợ chồng một phần đất ruộng tại bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Khi cho đất bà S là người trực tiếp chỉ mốc giới cho bà L, ông Q và bà L cải tạo đất, làm nền, xây ao thả cá. Diện tích cụ thể bà Lan không nắm được, do tin tưởng nên bà L không làm hợp đồng tặng cho và thủ tục tách thửa. Sau khi được cho đất, năm 2015 ông bà dựng một nhà sàn gỗ, đến năm 2018 làm kèo đá và căng tường lưới thép B40. Năm 2020 dựng một nhà bếp và một nhà tắm, trên diện tích đất trồng thêm các loại cây ăn quả khác như mận, cam, khế, bơ, xoài,... Ngoài ra ông bà có một số đồ dùng sinh

hoạt như tủ lạnh, máy giặt, tủ tường, giường, chiếu... Đối với tài sản chung của vợ chồng bà có nguyện vọng: Đồ dùng sinh hoạt như máy giặt, tủ lạnh, két sắt, xe máy của hai vợ chồng sẽ tự phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đất và tài sản trên đất giao lại cho ông Q quản lý, sử dụng, ông Q có nghĩa vụ trả cho bà khoản tiền chênh lệch tài sản là 320.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L rút yêu cầu chia đất, giữ yêu cầu phân chia tài sản trên đất và đề nghị toàn bộ các công trình trên đất cùng cây cối hoa màu giao cho ông Q quản lý, sử dụng, ông Q trả lại cho bà L số tiền 320.000.000 đồng tiền chênh lệch giá trị tài sản chung. Đối với 01 ngôi nhà xây cấp bốn trên đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vi Thị Tuyết L địa chỉ tại số nhà 10, ngõ 37, tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Bà xác định đây là tài sản riêng của bà, ông Q không có quyền yêu cầu phân chia tài sản.

Về nợ chung vợ chồng: Trong thời gian chung sống bà và ông Q không có nợ chung.

** Bị đơn ông Tòng Văn Q trình bày:*

Ông và bà L kết hôn với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn ông và bà chung sống tại tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Cuộc sống êm ấm hòa thuận đến khi ông nghỉ hưu chuyển về bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La sống để tiện chăm sóc bố mẹ già thì vợ chồng mới nảy sinh mâu thuẫn. Thời gian đó ông vẫn thường xuyên đi thăm bà L nhưng bà L lại không về bản Bó, xã Mường Bằng thăm ông, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt không còn. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L, ông xác định ông vẫn còn tình cảm vợ chồng, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng bà L cương quyết xin ly hôn ông cũng không có cách nào níu kéo tình cảm, đồng ý ly hôn với bà Vi Thị Tuyết L.

Về con chung: Ông và bà đều có con riêng trước khi kết hôn, không có con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Thống nhất với ý kiến của bà L là đồ dùng sinh hoạt (tủ lạnh, máy giặt, két sắt, xe máy) hai bên tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với diện tích đất 792,8m² tại bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Tòng Văn V do Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp theo Quyết định số: 130/QĐ-UBND ngày 15/5/1999 là tài sản của em trai ông là Tòng Văn V, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông và bà. Tài sản trên đất gồm nhà sàn gỗ, công trình phụ, bếp, kê đá, tường lưới đều do ông V xây dựng, ông và bà chỉ đóng góp công sức và số tiền 180.000.000 đồng để xây dựng tài sản. Ông xác định toàn bộ khối tài sản trên đất là tài sản chung của cả 08 anh em là con ruột của ông Á, bà S chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng ông Q, bà L, bà L yêu cầu trả tiền chênh lệch tài sản chung của gia đình là 320.000.000 đồng ông không đồng ý. Bà L tự ý xin ly hôn nên không có quyền yêu cầu phân chia công sức đóng góp vào tài sản

chung của cả gia đình với ông. Ngoài ra ông bà còn có 01 ngôi nhà cấp bốn trên diện tích đất 203,3m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vi Thị Tuyết L do Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La cấp theo Quyết định số: 630/QĐ - UBND ngày 22/3/2019 tại ngõ 37, tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Ông có đóng góp công sức khi làm thủ tục cấp bìa đất, hơn nữa quá trình chung sống ông có sửa chữa nhà ở của ông bà nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và đề nghị Tòa án chia đôi đất, tài sản trên đất chia đôi giá trị và ông sẽ lấy phần tiền chênh lệch.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tòng Văn Ấ, bà Lương Thị S trình bày:*

Ông bà là bố mẹ đẻ của ông Tòng Văn Q. Ông Ấ bị tai biến từ năm 2010, nặng tai không nghe được và nói không rõ ràng. Về tài sản, bà L yêu cầu phân chia là nhà và đất tại bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Nguồn gốc đất là tài sản của ông bà, năm 1999 ông bà xác định sau khi già yếu sẽ sống cùng ông Tòng Văn V nên giao lại toàn bộ đất cho con trai ông bà là Tòng Văn V quản lý, đất được cấp bìa mang tên Tòng Văn V. Ông Q, bà L kết hôn đăng ký hộ khẩu thường trú và ở tại tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La chỉ khi gia đình có việc hoặc lễ tết mới về thăm nhà, đến tháng 4/2021 ông Q bà L có mâu thuẫn ông Q mới về ở nhà tại bản Bó, xã Mường Bằng và nhập khẩu vào hộ khẩu ông Tòng Văn V. Việc bà L trình bày bà S chỉ mốc giới và cho đất ông Q, bà L là không đúng. Toàn bộ các vấn đề liên quan đến tranh chấp đối với tài sản này do ông V xem xét, quyết định, ông bà không còn quyền lợi, nghĩa vụ gì đối với tài sản này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tòng Văn V trình bày:*

Ông là con đẻ của ông Ấ, bà S, diện tích đất ở bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn là tài sản của ông được bố mẹ tặng cho và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông do Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp theo Quyết định số: 130/QĐ - UBND ngày 15/5/1999. Đối với ngôi nhà sàn chính và các công trình trên đất khác là tài sản chung của 8 anh em (con của ông Ấ, bà S). Gia đình họp bàn về việc xây nhà thờ họ nên các anh em trong gia đình đã cùng nhau xây dựng nhà sàn trên để làm nơi tụ họp, thờ cúng gia tiên. Tất cả các anh em đều có công sức đóng góp khi xây dựng nhà sàn này, người đóng góp bằng tiền, người đóng góp bằng vật liệu, người đóng góp bằng công sức lao động. Ông xác định đây không phải là tài sản chung của vợ chồng ông Q, bà L. Ông Q, bà L chỉ đóng góp 180.000.000 đồng tiền công thợ. Yêu cầu của bà L là tài sản chung của vợ chồng và trả số tiền 320.000.000 đồng của bà L để phân chia tài sản trên ông không đồng ý.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tòng Văn H, bà Tòng Thị B, bà Tòng Thị P, bà Tòng Thị H, ông Tòng Văn H thống nhất trình bày:*

Diện tích đất ở bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La là của bố mẹ đẻ ông Ấb S để lại cho ông Tòng Văn V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông V, gia đình đã họp bàn thống nhất việc ông V có trách nhiệm chăm sóc ông Ấ, bà S nên diện tích đất trên ông V có quyền định đoạt. Về các công trình khác trên đất là nhà sàn gỗ, công trình phụ, bếp là của 08 anh em cùng nhau đóng góp công sức xây dựng nên. Ông Q, bà L đóng góp 180.000.000 đồng; ông V đóng góp 250.000.000 đồng; ông H đóng góp 100.000.000 đồng và công lao động; bà B đóng góp công lao động, 01 con lợn 80kg, gạo, rượu cho ngày khánh thành nhà mới; bà P đóng góp công lao động, 01 con lợn 20kg, gạo, rượu cúng thổ địa ngày khởi công; bà H đóng góp công lao động, 01 con lợn 50kg, gạo ngày tổng kết thợ. Ông bà xác định tài sản trên là của chung 08 anh em nên không đồng ý phân chia, phải để lại làm nhà thờ họ như đã thống nhất trước đó. Việc bà L không tham gia họp gia đình do bận công việc là trách nhiệm của bà L, bà L không được yêu cầu phân chia tài sản này.

** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:*

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vi Thị Tuyết L. Về tài sản chấp nhận yêu cầu của ông Tòng Văn Q, chia đôi tài sản chung là diện tích đất 203,3m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vi Thị Tuyết L do Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La cấp tại ngõ 37, tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La. Chia đôi giá trị tài sản trên đất, bà L sử dụng nhà ở và trả tiền chênh lệch tài sản do ông Tòng Văn Q. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về việc phân chia tài sản là các vật tư kiến trúc trên đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Tòng Văn V ở bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đối với toàn bộ số tài sản đang tranh chấp giữa ông Q và bà L, kết quả như sau: Diện tích đất 792,8m² thuộc thửa số 180, tờ bản đồ số 101-74 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Tòng Văn V do Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn cấp theo Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 15/5/1999 tại bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Giá trị đất 26.162.400 đồng. Tài sản trên đất gồm: 01 nhà sàn gỗ, cột gỗ vuông, lợp ngói, thung gỗ, diện tích 83,6m² trị giá 450.000.000 đồng; 01 nhà bếp trụ bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, mái lợp tôn chống nóng diện tích 33,18m² trị giá 87.893.659 đồng; 01 nhà tắm trụ bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, mái lợp tôn chống nóng diện tích 7,86m² trị giá 23.823.660 đồng; kê xây đá chiều dài 72,5m trị giá 34.947.000 đồng.; 01 sân bê tông diện tích 133m² trị giá 13.960.200 đồng; 01 tường lưới thép B40 cọc bê tông dài 63,3m trị giá 12.305.520 đồng; Cây ăn quả trên đất (01 cây mận, 01 cây cam, 01 cây khế, 04 cây bơ, 04 cây xoài, 01 cây ổi, 01 cây cam, 28 trụ thanh long, 04 cây sấu, 60 cây chuối, 01 cây đu đủ, 01 cây nhãn, 01 cây chanh) trị giá 6.079.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 629.000.000 đồng.

Diện tích đất 203,3m² thuộc thửa số 23, tờ bản đồ số 42 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vi Thị Tuyết L do Ủy ban nhân dân thành phố

Sơn La cấp theo quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 tại ngõ 37, tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La. Giá trị đất 609.900.000 đồng. Tài sản trên đất gồm: Nhà cấp bốn, hai gian tổng diện tích 67,26m², tường xây 20. Tài sản đề nghị định giá do có tranh chấp gồm: Phần mái hiên (đã bao gồm tường bao diện tích 37,8m² trị giá 7.471.571 đồng. Phần công trình phụ diện tích 9,35m² xây tường 10, lán xi măng, mái lợp pro xi măng, lắp cửa kính khung nhôm giá trị 2.474.945 đồng. Phần trần tôn xộp nhà chính diện tích 21,8m² trị giá 2.930.444 đồng. Phần nền gạch men 60cm diện tích 30,3m² trị giá 4.836.017 đồng. Tổng trị giá tài sản đang tranh chấp như kê khai là 17.712.976 đồng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 28/2022/HNGĐ - ST ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, Điều 39, khoản 2 Điều 228, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 61, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Vi Thị Tuyết L và ông Tòng Văn Q.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Vi Thị Tuyết L về yêu cầu chia công sức đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng. Xác định tài sản chung của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình chủ hộ là ông Tòng Văn V tại bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, ông Tòng Văn Q và bà Vi Thị Tuyết L có công sức đóng góp 419.000.000 đồng. Tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân ông Q, bà L tại tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La là 17.712.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông Q, bà L là 436.712.000 đồng. Chia đôi giá trị tài sản chung như sau:

Bà Vi Thị Tuyết L được nhận giá trị tài sản chung của vợ chồng số tiền 218.356.000 đồng.

Ông Tòng Văn Q được sử dụng tài sản có trị giá là 218.356.000 đồng và phải có trách nhiệm trả tiền chênh lệch chia rài sản cho bà Vi Thị Tuyết L số tiền 218.356.000 đồng do ông Quân đang quản lý, sử dụng tài sản chung của gia đình gồm 01 nhà sàn gỗ, cột gỗ vuôn, lợp ngói, thưng gỗ, diện tích 83,6m² và các công trình phụ trợ khác nằm trên diện tích 792,8m² đất thuộc thửa số 180, tờ bản đồ số 101-74 có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Tòng Văn V do Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp theo Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 15/5/1999 tại bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Chấp nhận các đương sự tự thỏa thuận với nhau phân chia tài sản gồm máy giặt, tủ lạnh, két sắt, xe máy và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bác yêu cầu của ông Tòng Văn Q về việc chia đôi quyền sử dụng diện tích đất 203,3m² thuộc thửa số 23, tờ bản đồ số 42 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vi Thị Tuyết L do Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La cấp theo Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 22/3/2019. Trên đất có 01 nhà cấp bốn, hai gian tổng diện tích 67,26m², tường xây gạch 20 và nhà vệ sinh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/6/2022, bị đơn ông Tòng Văn Q có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm về nội dung xác định tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 13/6/2022, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông H, ông V, bà H, bà B, ông H, bà P, bà H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không nhất trí về nội dung chia tài sản chung của vợ chồng ông Q bà L liên quan đến tài sản chung của gia đình.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Ý kiến tranh luận của bị đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn ông Tòng Văn Q cả hình thức về nội dung, sửa một phần bản án số 28/2022/HNGĐ - ST ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Xem xét việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của anh Tòng Văn Q.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn bà Vi Thị Tuyết L giữ nguyên nội dung khởi kiện về việc xin ly hôn, không nhất trí với kháng cáo của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, đề nghị giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, không nhất trí về nội dung chia tài sản chung của vợ chồng ông Q bà L liên quan đến tài sản chung của gia đình gồm 8 anh chị em.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Tòng Thị H có đơn kháng cáo Bản án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Tòng Thị H. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Tòng Văn Q, chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Tòng Thị B, ông Tòng Văn H, ông Tòng Văn V, bà Tòng Thị H, ông Tòng Văn Hg, bà Tòng Thị P. Sửa

một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 28/2022/HNGĐ - ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đã thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Vi Thị Tuyết L là đúng thẩm quyền theo quy định. Quá trình tiến hành xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Tòng Văn Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo thông báo của Tòa án trong hạn luật định. Do vậy đơn kháng cáo của ông Tòng Văn Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Tòng Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt thì bị coi như việc từ bỏ việc kháng cáo Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Toàng Thị H, vận dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Tòng Văn Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

[2.1] Đối với phần diện tích đất 203,3m² thuộc thửa số 23, tờ bản đồ số 42 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vi Thị Tuyết L do Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La cấp theo Quyết định số: 630/QĐ - UBND ngày 22/3/2019 tại ngõ 37, tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La. Giá trị đất là 609.900.000 đồng, tường xây gạch 20. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc nhà trên đất do Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông số 1 thanh lý nhà ở cho cán bộ công nhân viên đơn vị cho ông Đinh Văn T và bà Vi Thị Tuyết L. Bà L sử dụng ổn định đến năm 2017 làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Toàn bộ hồ sơ, việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều do bà L thực hiện. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần tài sản trên là tài sản riêng của bà Vi Thị Tuyết L, không phải tài sản chung của ông Q và bà L là có căn cứ theo quy định tại Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 11 Nghị định 126/2014 của Chính phủ, là tài sản riêng của bà L có trước hôn nhân với ông Tòng Văn Q. Song xét thấy ông Tòng Văn Q cũng có công sức đóng góp trong việc sửa chữa, tôn tạo khối tài sản trên đất với giá trị là 17.712.000 đồng. Do đó, buộc bà Vi Thị Tuyết L phải thanh toán một phần hai giá trị công sức đóng góp trong việc sửa chữa, tôn tạo khối tài sản cho ông Tòng Văn Q. Xét kháng cáo của ông Toàng Văn Q là chia đôi số tài sản trên là không có căn cứ.

[2.2] Đối với diện tích đất 792,8m² thuộc thửa số 180, tờ bản đồ số 101-74 có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Tòng Văn V do Ủy ban nhân dân huyện Mai Sơn cấp theo Quyết định số: 130/QĐ - UBND ngày 15/5/1999 tại bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Giá trị đất 26.162.400 đồng. Nguồn gốc thửa đất là của ông Tòng Văn Ấng và bà Lường Thị So là bố mẹ đẻ của ông Tòng Văn Quân và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Tòng Văn Việt là con trai ông Ấng bà So. Quá trình sử dụng đất ông Việt không thực hiện việc chuyển nhượng, tặng cho ai. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất trên không phải là tài sản chung của vợ chồng ông Quân và bà Lan là có căn cứ.

[2.3] Đối với số tài sản trên diện tích đất 792,8m² tại bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La gồm: 01 nhà sàn gỗ, cột gỗ vuông, lợp ngói, thung gỗ, diện tích 83,6m² trị giá 450.000.000 đồng; 01 nhà bếp trụ bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, mái lợp tôn chống nóng diện tích 33,18m² trị giá 87.893.659 đồng; 01 nhà tắm trụ bê tông cốt thép, tường xây gạch 10, mái lợp tôn chống nóng diện tích 7,86m² trị giá 23.823.660 đồng; kê xây đá chiều dài 72,5m trị giá 34.947.000 đồng.; 01 sân bê tông diện tích 133m² trị giá 13.960.200 đồng; 01 tường lưới thép B40 cọc bê tông dài 63,3m trị giá 12.305.520 đồng; Cây ăn quả trên đất (01 cây mận, 01 cây cam, 01 cây khế, 04 cây bơ, 04 cây xoài, 01 cây ổi, 01 cây cam, 28 trụ thanh long, 04 cây sấu, 60 cây chuối, 01 cây đu đủ, 01 cây nhãn, 01 cây chanh) trị giá 6.079.000 đồng. Tổng giá trị tài sản trên đất là 629.000.000 đồng. Xét thấy, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều thừa nhận số tài sản trên đất đều có công sức đóng góp của cả 07 người và vợ chồng ông Q, bà L. Tuy nhiên, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án không thể hiện cụ thể công sức, số tiền từng người đóng góp vào khối tài sản đang tranh chấp. Các bên đều thừa nhận ông Q và bà L có đóng góp số tiền 180.000.000 đồng khi xây dựng khối tài sản trên và có chứng cứ xác định ông Q và bà L có khoản vay 180.000.000 đồng từ Ngân hàng để sửa chữa nhà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phân chia khối tài sản chung trên theo công sức đóng góp của ông Q và bà L vào khối tài sản chung của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là có căn cứ. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Q và bà L có công sức đóng góp 2/3 số tài sản trị giá 419.000.000 đồng trong khối tài sản chung trên là không có căn cứ chưa phù hợp không đúng với quy định của pháp luật. Cần xác định công sức đóng góp của vợ chồng ông Q và bà L trong việc hình thành khối tài sản chung hai vợ chồng đã đóng góp 180.000.000 đồng trên giá trị tài sản trên đất và giá trị tôn tạo công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình chủ hộ là ông Tòng Văn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án . Buộc ông Tòng Văn Q phải thanh toán một phần hai giá trị đóng góp và công sức tôn tạo tài sản cho bà Vi Thị Tuyết L tương ứng với số tiền đóng góp và công sức tôn tạo tài sản chung.

[2.4] Từ các phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Tòng Văn Q và chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan đến vụ án. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 28/2022/HNGĐ-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

[3] Về án phí: Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn bị cấp phúc thẩm sửa một phần, bị đơn ông Tòng Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại theo giá trị tài sản được phân chia.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Tòng Thị H.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Tòng Văn Q, chấp nhận kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Tòng Thị B, ông Tòng Văn H, ông Tòng Văn V, bà Tòng Thị H, ông Tòng Văn H, bà Tòng Thị P.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 28/2022/HNGĐ-ST ngày 31/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La như sau:

- Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa bà Vi Thị Tuyết L và ông Tòng Văn Q.
- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Xác định tài sản chung của vợ chồng trong khối tài sản chung của gia đình chủ hộ là ông Tòng Văn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tòng Văn Á, bà Lương Thị S, ông Tòng Văn H, ông Tòng Văn V, bà Tòng Thị H, bà Tòng Thị B, ông Tòng Văn H, bà Tòng Thị P, bà Tòng Thị H tại bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, ông Tòng Văn Q và bà Vi Thị Tuyết L có công sức đóng góp 200.000.000 đồng (hai trăm triệu). Tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân tại tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La là 17.712.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông Tòng Văn Q, bà Vi Thị Tuyết L là 217.712.000 đồng (hai trăm mười bảy triệu, bảy trăm mười hai nghìn đồng chẵn). Chia một phần hai giá trị tài sản chung như sau:

+ Buộc bà Vi Thị Tuyết L thanh toán một phần hai giá trị tài sản chung tại tổ 2, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La là 8.856.000 đồng (tám triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng) cho ông Tòng Văn Q và được khấu trừ vào khoản tiền ông Q thanh toán cho bà L một phần hai giá trị tài sản chung trong khối tài sản chung của gia đình chủ hộ là ông Tòng Văn V tại bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

+ Buộc ông Tòng Văn Q thanh toán một phần hai giá trị tài sản chung trong khối tài sản chung của gia đình chủ hộ là ông Tòng Văn V và những người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Tòng Văn Ấ, bà Lương Thị S, Ông Tòng Văn H, ông Tòng Văn V, bà Tòng Thị H, bà Tòng Thị B, ông Tòng Văn H, bà Tòng Thị P, bà Tòng Thị H tại bản Bó, xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La là 100.000.000 đồng (một trăm triệu) cho bà Vi Thị Tuyết L. Trừ đi khoản tiền bà Vi Thị Tuyết L phải thanh toán cho ông Tòng Văn Q là 8.856.000 đồng thì số tiền còn lại ông Tòng Văn Q phải thanh toán cho bà Vi Thị Tuyết L là 91.144.000 đồng (chín mươi một triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn).

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự”.

3. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tòng Văn Q về việc chia một phần hai quyền sử dụng diện tích đất 203,3m² thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 42 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vi Thị Tuyết L do Ủy ban nhân dân thành phố Sơn La cấp theo Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 22/3/2019.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Tòng Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001631 ngày 20/6/2022 được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm phải nộp.

Ông Tòng Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.557.200 đồng.

Bà Vi Thị Tuyết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn theo biên lai thu số AA/2021/0001222 ngày 11/12/2021 và phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 4.557.200 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm thu theo biên lai số AA/2021/0001632 ngày 20/6/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Tuyền

Cầm Văn Thanh

Đỗ Tuấn Long